

## TỤC NGỮ VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

### KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được nội dung cơ bản của tục ngữ là sự đúc kết kinh nghiệm, phản ánh tư tưởng và lối sống của cộng đồng.*
- *Xác định được hình thức thể loại của tục ngữ là lời nói có tính nghệ thuật.*

### TIỂU DẪN

1. *Đề tài của tục ngữ rất rộng. Có bộ phận tục ngữ nói về các hiện tượng tự nhiên và quan hệ của con người với tự nhiên (các hiện tượng thời tiết, kinh nghiệm lao động sản xuất,...) ; có bộ phận tục ngữ nói về đời sống vật chất (ăn, mặc, ở,...), về các quan hệ gia đình, dòng họ (cha mẹ – con cái, anh chị – em, dâu – rể,...). Một bộ phận lớn tục ngữ nói về những hiện tượng được coi như có tính phổ biến của con người và đời sống con người như diện mạo, lời nói, tính khí, tính cách, phẩm chất đạo đức,... Những nội dung này thường được thể hiện dưới dạng những cặp chủ đề như : thiện – ác, tốt – xấu, khôn – dại, ân nghĩa – bội bạc, công lao – hưởng thụ, may mắn – tai hoạ, nguyên nhân – kết quả, v.v.*

2. *Từ sự đúc kết những kinh nghiệm đời sống, kinh nghiệm lịch sử – xã hội như thế, tục ngữ rút ra những bài học ứng xử, những phương châm ứng xử. Tục ngữ của người Việt có nhiều câu đề cao ý nghĩa tích cực của những cách ứng xử có tác dụng xây dựng và củng cố quan hệ tốt đẹp giữa con người với nhau. Những cách ứng xử ấy được coi là những chuẩn mực, phù hợp với quan niệm sống của cộng đồng, với nhân cách văn hoá của con người Việt Nam.*

*Một số câu tục ngữ về đạo đức, lối sống dưới đây thể hiện một phần nội dung ấy.*

\*

\* \*

1. *Tay làm hàm nhai, tay quai<sup>(1)</sup> miệng trễ.*
2. *Muốn ăn cá cá<sup>(2)</sup> phải thả câu dài.*
3. *Kiến tha lâu cũng có ngày đầy tổ.*

\*

---

(1) *Tay quai* : tay khoanh lại, không làm.

(2) *Cá* : to, lớn.

4. *Một giọt máu đào hơn ao nước lã.*
5. *Tình thương quán cũng là nhà, lều tranh có nghĩa hơn toà ngói cao.*
6. *Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn.*

\*

7. *Nói hay hơn hay nói.*
8. *Tốt danh hơn lành áo.*
9. *Yêu trẻ, trẻ đến nhà ; yêu già, già để phúc.*
10. *Một con ngựa đau, cả tàu<sup>(1)</sup> bỏ cỏ.*
11. *Một ngày nên nghĩa, chuyến đò nên quen.*
12. *Xởi lời trời cởi cho, so đo trời co lại.*

(Tục ngữ Việt Nam, CHU XUÂN DIÊN - LƯƠNG VĂN ĐANG -  
PHƯƠNG TRI biên soạn, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975)

### HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) hiểu nghĩa của các cụm từ sau đây như thế nào : *hàm nhai, miệng trẻ* (trong câu 1) ; *giọt máu đào, ao nước lã* (trong câu 4) ; *nói hay, hay nói* (trong câu 7) ; *cởi cho, co lại* (trong câu 12) ?
2. Tục ngữ thường có hai lớp nghĩa : nghĩa đen và nghĩa bóng, nghĩa cụ thể và nghĩa khái quát. Hãy xác định các lớp nghĩa ấy trong các câu tục ngữ số 1, 2, 3, 4, 10.
3. Hãy tập hợp các câu tục ngữ vào từng chủ đề và nhóm chủ đề. Đặt tên cho các chủ đề và nhóm chủ đề đó. (Gợi ý : Các chủ đề *vợ - chồng, anh chị - em,...* thuộc nhóm chủ đề "quan hệ thân tộc và quan hệ láng giềng" ; các chủ đề *tình thương - tình nghĩa, lời nói - việc làm, ích kỉ - vị tha,...* thuộc nhóm chủ đề "tính cách và phẩm chất con người").
4. Từ nội dung tư tưởng của những câu tục ngữ thuộc các nhóm chủ đề đó, hãy khái quát thành những nét tính cách và phẩm chất đạo đức truyền thống của con người Việt Nam.
5. Phân tích đặc điểm nghệ thuật của các câu tục ngữ số 2 và 4. (Gợi ý : Chú ý đến cách hiệp vần, các hình thức đối xứng, cách sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ).

---

(1) *Tàu* : máng đựng thức ăn trong chuồng ngựa, cũng dùng để chỉ chuồng ngựa.

## BÀI TẬP NÂNG CAO

1. Suy tâm những câu tục ngữ có chủ đề nói về *tốt – xấu, đẹp – xấu* (hoặc một chủ đề nào khác mà anh (chị) quan tâm). Phân tích nội dung tư tưởng của những câu tục ngữ đó.
2. Phân tích cách dùng tục ngữ trong bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu khuyên răn), bài 21 của Nguyễn Trãi :

*Ở bầu thì dáng ắt nên tròn,  
Xấu tốt đều thì rấp khuôn.  
Lân cận nhà giàu no bữa cám,  
Bần bề kẻ trộm phải no đòn.  
Chơi cùng đứa dại nên bầy dại,  
Kết mấy người khôn học nét khôn.  
Ở đấng thấp thì nên đấng thấp,  
Đen gần mực đỏ gần son.*

(Nguyễn Trãi. Toàn tập,  
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969)

## TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

### Tục ngữ

1. Chức năng thể loại của tục ngữ là đúc kết kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lịch sử – xã hội của cộng đồng. Tục ngữ là *túi khôn* dân gian, là kho tàng *tri thức bách khoa* dân gian, nên có thể coi là một thể loại *khoa học – triết lí* dân gian.

2. Tục ngữ diễn đạt *nội dung tư tưởng* bằng các hình thức *phán đoán*. Thông thường, mỗi câu tục ngữ bao gồm ít nhất một chủ đề và một lời bình, lời thuyết minh về chủ đề ấy. Ví dụ : Trong câu "Một giọt máu đào hơn ao nước lã", chủ đề là "một giọt máu đào", lời bình, lời thuyết minh về chủ đề ấy là "hơn ao nước lã". Đó là một phán đoán. Nhiều câu tục ngữ gồm từ hai phán đoán trở lên. Ví dụ : "Xôi lời trời cõi cho / so đo trời co lại",....

3. Hình thức thể hiện của tục ngữ là lời nói có tính nghệ thuật. Những phương thức nghệ thuật chính của tục ngữ là hiệp vần, tạo các hình thức đối xứng, sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ.